

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng từ bột đá thạch anh tại lô CN 1.2, CCN Ấp 5, xã Đại Nghĩa và xã Đại Quang, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng từ bột đá thạch anh tại lô CN 1.2, CCN Ấp 5, xã Đại Nghĩa, và xã Đại Quang, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam gửi kèm Công văn số 04/MT ngày 18/02/2021 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tiến về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng từ bột đá thạch anh;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 219/TTr-STNMT ngày 02 tháng 4 năm 2021 và hồ sơ kèm theo.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng từ bột đá thạch anh tại lô CN 1.2, CCN Ấp 5, xã Đại Nghĩa, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là Dự án) do Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tiến làm Chủ dự án với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường
2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (nếu có) của Dự án.
4. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Đại Lộc, Chủ tịch UBND xã Đại Nghĩa, Chủ tịch UBND xã Đại Quang, Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tiến; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC 05;
- Phòng TN&MT huyện Đại Lộc;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Trí Thanh**

Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2021

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
GIÁM ĐỐC**



## Phụ lục

# CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỪ BỘT ĐÁ THẠCH ANH TẠI CCN ÁP 5, XÃ ĐẠI NGHĨA, XÃ ĐẠI QUANG, HUYỆN ĐẠI LỘC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2021  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

## 1. Thông tin về Dự án:

### 1.1. Các thông tin về Dự án

- Tên Dự án: Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng từ bột đá thạch anh.
- Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN 1.2, CCN Áp 5, xã Đại Nghĩa, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tiến.
- Địa chỉ liên hệ: Thôn Phong Thử, xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

### 1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Phạm vi của Dự án: Tổng diện tích dự án khoảng 6 ha. Dự án có tứ cận như sau:
  - + Phía Đông Bắc: Giáp Trung tâm Bảo trì Thủy điện và Dịch vụ kỹ thuật (Công ty Cổ phần Thủy Điện A Vương);
  - + Phía Tây Nam: Giáp đường bê tông 3m;
  - + Phía Đông Nam: Giáp với đất trồng cây;
  - + Phía Tây Bắc: Giáp đường quốc lộ 14B.
- Quy mô và công suất của Dự án:

Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình như nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, khu trung bày, nhà xe và các công trình phụ trợ khác với tổng diện tích của dự án là 57.944 m<sup>2</sup>. Công suất dự án là 480.000 m<sup>2</sup> sản phẩm/năm (40.000 m<sup>2</sup> sản phẩm/tháng).

Tổng thể quy hoạch sử dụng đất của dự án như sau:

STT	Hạng mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỉ lệ (%)
1	Nhà xưởng 1 (kho, trộn, nén, sấy)	16.380	28,27
2	Nhà xưởng 2 (cắt, mài đánh bóng)	9.045	15,61
3	Khu trung bày	900	1,55
4	Nhà xe	637	1,10

STT	Hạng mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỉ lệ (%)
5	Nhà văn phòng	250	0,43
6	Nhà nghỉ ca	540	0,93
7	Nhà ăn	375	0,65
8	Nhà kỹ thuật điện, trạm bơm	130	0,22
9	Nhà bảo vệ	16	0,03
10	Đất cây xanh	14.002	24,16
11	Đất giao thông sân bãi, hạ tầng	15.669	27,04
<b>Tổng diện tích đất</b>		<b>57.944</b>	<b>100</b>

### 1.3. Các hạng mục chính của Dự án:

#### a) Hạng mục chính của Dự án:

- Nhà xưởng 1.

+ Diện tích 16.380 m<sup>2</sup> chiếm 28,27% tổng diện tích dự án.

+ Số lượng: 01.

+ Kích thước: chiều dài: 195 m; chiều rộng: 84 m; chiều cao: 34 m.

- Nhà xưởng 2.

- Diện tích: 9.045 m<sup>2</sup> chiếm 15,61% tổng diện tích dự án.

- Số lượng: 01.

- Kích thước: chiều dài: 150 m; chiều rộng: 60,3 m; chiều cao: 18 m.

#### b) Các hạng mục phụ trợ của Dự án:

- Khu trưng bày: Diện tích là 900 m<sup>2</sup>, chiếm 1,55% tổng diện tích dự án (số lượng: 01 khu trưng bày).

- Nhà xe: Diện tích là 637 m<sup>2</sup>, chiếm 1,10% tổng diện tích dự án (số lượng: 01 nhà xe).

- Nhà văn phòng: Diện tích 250 m<sup>2</sup>, chiếm 0,43% tổng diện tích dự án (số lượng: 01 nhà văn phòng).

- Nhà nghỉ ca: Diện tích 540 m<sup>2</sup>, chiếm 0,93% tổng diện tích dự án (số lượng: 01 nhà nghỉ ca).

- Nhà ăn: Diện tích 375 m<sup>2</sup>, chiếm 0,65% tổng diện tích dự án (số lượng: 01 nhà ăn).

- Nhà kỹ thuật điện, trạm bơm: Diện tích 130 m<sup>2</sup>, chiếm 0,22% tổng diện tích dự án (số lượng: 01 nhà kỹ thuật điện, trạm bơm).

- Nhà bảo vệ: Diện tích 16 m<sup>2</sup>, chiếm 0,03% tổng diện tích dự án (số lượng: 01 nhà bảo vệ).

- Đất cây xanh: Diện tích 14.002 m<sup>2</sup>, chiếm 24,16% tổng diện tích dự án.
- Đất giao thông sân bãi, hạ tầng: Diện tích 15.669 m<sup>2</sup>, chiếm 27,04% tổng diện tích dự án.
- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nội bộ dự án, đảm bảo khớp nối hạ tầng kỹ thuật ngoài dự án.
- Hệ thống giao thông, san nền, cấp thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc, hệ thống thu lôi chống sét, hệ thống PCCC.
- Xây dựng riêng biệt hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải.
- Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt với công suất xử lý 26 m<sup>3</sup>/ngày.đêm tại vị trí phía Nam dự án. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của CCN. Trường hợp CCN xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung thì nước thải của dự án được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.
- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất với công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Toàn bộ lượng nước thải sản xuất này sẽ được tuần hoàn, tái sử dụng trong dây chuyền sản xuất. Dự án không phát sinh nước thải sản xuất ra ngoài môi trường.

## **2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:**

### **2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:**

#### *a) Trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án:*

- Đối với môi trường không khí: tiếng ồn, bụi, khí thải.
- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn.
- Đối với chất thải: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

#### *b) Trong giai đoạn vận hành:*

- Đối với môi trường không khí: Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung.
- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn.
- Đối với chất thải: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại.

### **2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

#### *a) Trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án:*

- Tiếng ồn, bụi thải: phát sinh từ quá trình phát quang giải phóng mặt bằng; bụi phát sinh từ quá trình san nền; bụi, khí thải phát sinh do quá trình vận chuyển san nền, nguyên vật liệu trong khu vực Dự án; bụi, khí thải từ phương tiện thi công xây dựng.

- Khí thải: phát sinh hoạt động của máy móc, thiết bị giao thông chủ yếu là CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>.

*b) Trong giai đoạn vận hành:*

Bụi từ hoạt động vận chuyển, tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu, thành phẩm và các quá trình giao thông khác; bụi trong quá trình sản xuất đá thạch anh; nhiệt dư sinh ra trong quá trình sản xuất; khí thải từ máy phát điện dự phòng; tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất đá thạch anh của Dự án.

**2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:**

*a) Trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án:*

- Nước thải xây dựng: lượng nước thải xây dựng sử dụng chủ yếu ở khâu vệ sinh máy móc, thiết bị với ước tính 01 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước thải sinh hoạt: lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công 1,35 m<sup>3</sup>/ng.đêm.

*b) Trong giai đoạn vận hành:*

- Nước thải sinh hoạt: lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động: 21 m<sup>3</sup>/ng.đêm. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, TSS, Nito, Tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất trong dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng từ bột đá thạch anh trong giai đoạn hoạt động phát sinh từ khâu làm mát. Thành phần chất ô nhiễm của nước thải sản xuất trong công đoạn này chủ yếu là chất rắn lơ lửng, màu, polyeste không no đã đóng rắn,... Khối lượng phát sinh nước thải khoảng 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Toàn bộ lượng nước thải này được tuần hoàn, tái sử dụng trong dây chuyền sản xuất. Dự án không phát sinh nước thải sản xuất ra ngoài môi trường.

**2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:**

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân trong quá trình thi công, xây dựng gồm bao bì, thức ăn thừa, chai lọ, đồ hộp,... có khối lượng khoảng 9 kg/ngày; chất thải rắn trong quá trình thi công xây dựng của dự án như đất cát dư thừa từ quá trình thi công móng nhà xưởng, đường giao thông, mương thoát nước, đá, gạch vỡ, bao bì xi măng, sắt thép vụn, gỗ cotpha, phế thải, xà bần,... Khối lượng ước tính khoảng 50 – 100 kg/ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt của CBCNV trong quá trình hoạt động gồm giấy các loại, túi ni lông, chai nhựa, thực phẩm dư thừa,... có khối lượng khoảng 270 kg/ngày; chất thải rắn trong quá trình hoạt động của dự án như các sản phẩm lỗi, bê, viên đá cắt thải,... Khối lượng phát sinh ước tính khoảng 400 kg/ngày.

**2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):**

- Trong quá trình thi công xây dựng: chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải, bao bì chứa thành phần chất nguy hại (son, dầu, nhớt,...), que hàn... Khối lượng CTNH ước tính khoảng 30 kg/tháng.

- Trong quá trình hoạt động của dự án: phát sinh một số loại chất thải nguy hại như giẻ lau nhiễm dầu mỡ, dầu nhớt thải, bóng đèn, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì đựng chất phụ gia, hóa chất hết hạn sử dụng,... Tùy thuộc vào tần suất bảo trì máy móc, công suất hoạt động của dự án thì khối lượng chất thải phát sinh không nhiều, ước tính khoảng 180 kg/năm.

### **3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:**

#### **3.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng:**

##### *3.1.1. Về xử lý bụi và khí thải:*

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn che chắn xung quanh khu vực xây dựng dự án với chiều cao khoảng 3m để hạn chế bụi phát sinh ra ngoài môi trường.

- Có kế hoạch tưới nước giảm bụi trên các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu như tuyến đường QL14B vào những ngày nắng hanh khô 03 lần/ngày (sáng, trưa, chiều).

- Các xe vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc nguyên vật liệu. Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị thi công.

- Thùng xe phải có bạt che kín, tránh tình trạng đất đá rơi vãi, bụi cát bị gió cuốn gây ô nhiễm môi trường trên tuyến đường vận chuyển.

- Có kế hoạch xây dựng, vận chuyển hợp lý như: Lập phương án thi công, lựa chọn phương tiện vận chuyển phù hợp để giảm thiểu bụi và khí thải.

- Vận hành máy móc đúng quy trình kỹ thuật, hoạt động đúng công suất.

- Sử dụng đúng loại nhiên liệu và nhiên liệu đảm bảo chất lượng.

- Thực hiện rửa bánh xe vận chuyển trước khi rời khỏi công trường.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ cho công nhân như kính, quần áo bảo hộ, khẩu trang, găng tay,... để bảo vệ các cơ quan như thị giác, hô hấp, bề mặt da.

- Yêu cầu nhân viên vệ sinh sạch sẽ khu vực chứa máy móc, thiết bị tránh lượng bụi phát tán xung quanh.

##### *3.1.2. Về xử lý nước thải*

- Nước thải sinh hoạt: thuê 02 công trình nhà vệ sinh lưu động để thu gom nước thải sinh hoạt, vệ sinh của công nhân và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút cặn.

- Nước thải xây dựng:

Nước thải rửa xe, máy móc, thiết bị thi công: Nước thải xây dựng sau mỗi ngày làm việc được thu gom tại khu vực rửa thiết bị thi công và cho qua bể lắng với kích thước (dài x rộng x cao = 3 m x 2 m x 1 m), nước thải được lắng cặn trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Phần cặn lắng chủ yếu là bùn đất được hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom xử lý.

*3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn (CTR):*

- Thu gom, xử lý CTR:

+ CTR xây dựng: Được thu gom phân loại để bán cho các cơ sở phế liệu (thùng, bao bì giấy, kim loại,..); đất đá, gạch vỡ được tận dụng san nền nhà xưởng; lượng đất bóc tầng phủ khoảng 1,5 tấn được tận dụng để nâng cos nền trồng cây xung quanh dự án.

+ CTR sinh hoạt: Bố trí 04 thùng rác chứa rác có thể tích 120 lít/thùng tại khu vực lán trại để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý đúng quy định.

- Thu gom, xử lý chất thải nguy hại (CTNH): Bố trí các thùng chứa CTNH 120l riêng biệt có nắp đậy, thực hiện thu gom CTNH phát sinh lưu trữ tạm thời tại kho chứa CTNH tạm thời và thực hiện đúng trách nhiệm của chủ nguồn thải theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, với các yêu cầu kỹ thuật, quy định quản lý quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

### **3.2. Trong giai đoạn hoạt động:**

#### *3.2.1. Về xử lý bụi, khí thải:*

*a) Đối với bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển, tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu, thành phẩm và các quá trình giao thông khác*

- Xây dựng chế độ chạy xe vận chuyển hàng và chế độ bốc dỡ hàng hợp lý. Xe khi vào đến khu vực Dự án phải chạy chậm với tốc độ cho phép, trong thời gian bốc dỡ nguyên liệu và thành phẩm không được nổ máy.

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu vực nhà xưởng và khu vực kho để hạn chế bụi tối đa phát tán từ mặt đất.

- Định kỳ vào những ngày thời tiết hanh khô, nắng nóng tưới nước giảm bụi trên tuyến đường vận chuyển nguyên liệu ra vào Dự án ít nhất 03 lần/ngày.

- Điều tiết số lượng xe phù hợp với thời gian và tiến độ công việc để tránh lượng xe vận chuyển nguyên liệu, hàng hóa ra vào Dự án với mật độ cao.

- Hệ thống cây xanh được bố trí xung quanh dự án để giảm thiểu khả năng phát tán của bụi phát sinh từ khu vực nhà xưởng.

- Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, chăm sóc xe, máy móc và kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo quy định

- Tuân thủ chở đúng trọng tải, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định khác có liên quan.

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân làm việc tại dự án như: Khẩu trang, găng tay, mũ,...

- Nguyên liệu rơi vãi trong quá trình tập kết sẽ được Nhà máy vệ sinh sạch sẽ.



*b) Giảm thiểu bụi trong quá trình sản xuất*

- Lắp đặt hệ thống xử lý bụi gồm 01 thiết bị lọc bụi túi vải, 03 chụp hút với quy trình như sau: Nhà xưởng ☉ chụp hút bụi ☉ quạt hút ☉ thiết bị lọc bụi túi vải ☉ thùng chứa bụi thu hồi.

- Nhà máy sẽ tiến hành vệ sinh khu vực nhà xưởng sau giờ làm việc hoặc nghỉ giữa ca để hạn chế bụi phát tán vào không khí.

- Đối với công nhân làm việc tại khu vực sẽ được trang bị khẩu trang chống bụi và một số trang bị khác như: găng tay, giày, kính, mũ bảo hộ,... để hạn chế bụi làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

- Trồng cây xanh khu vực Dự án để tránh bụi phát tán ra bên ngoài.

- Trang bị máy hút bụi để hạn chế mức thấp nhất sự ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe công nhân và môi trường xung quanh.

*c) Biện pháp giảm thiểu lượng nhiệt dư sinh ra từ quá trình sản xuất*

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị của Dự án

- Nhà máy sẽ bố trí các thiết bị thông gió, quạt hút trong khu vực nhà xưởng để hạn chế nhiệt lượng sinh ra phát tán vào không khí từ quá trình ép và hạn chế mức độ tác động đến công nhân đang làm việc tại Nhà máy.

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân làm việc tại dự án như: Khẩu trang, găng tay, mũ,...

*d) Biện pháp giảm thiểu khí thải do hoạt động của máy phát điện dự phòng*

- Đầu tư máy phát điện mới, bố trí tại nhà kỹ thuật điện, trạm bơm của Dự án.

- Vận hành máy phát điện theo đúng chỉ dẫn của nhà sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng máy phát điện để đảm bảo luôn hoạt động tốt.

*3.2.2. Về xử lý nước thải:*

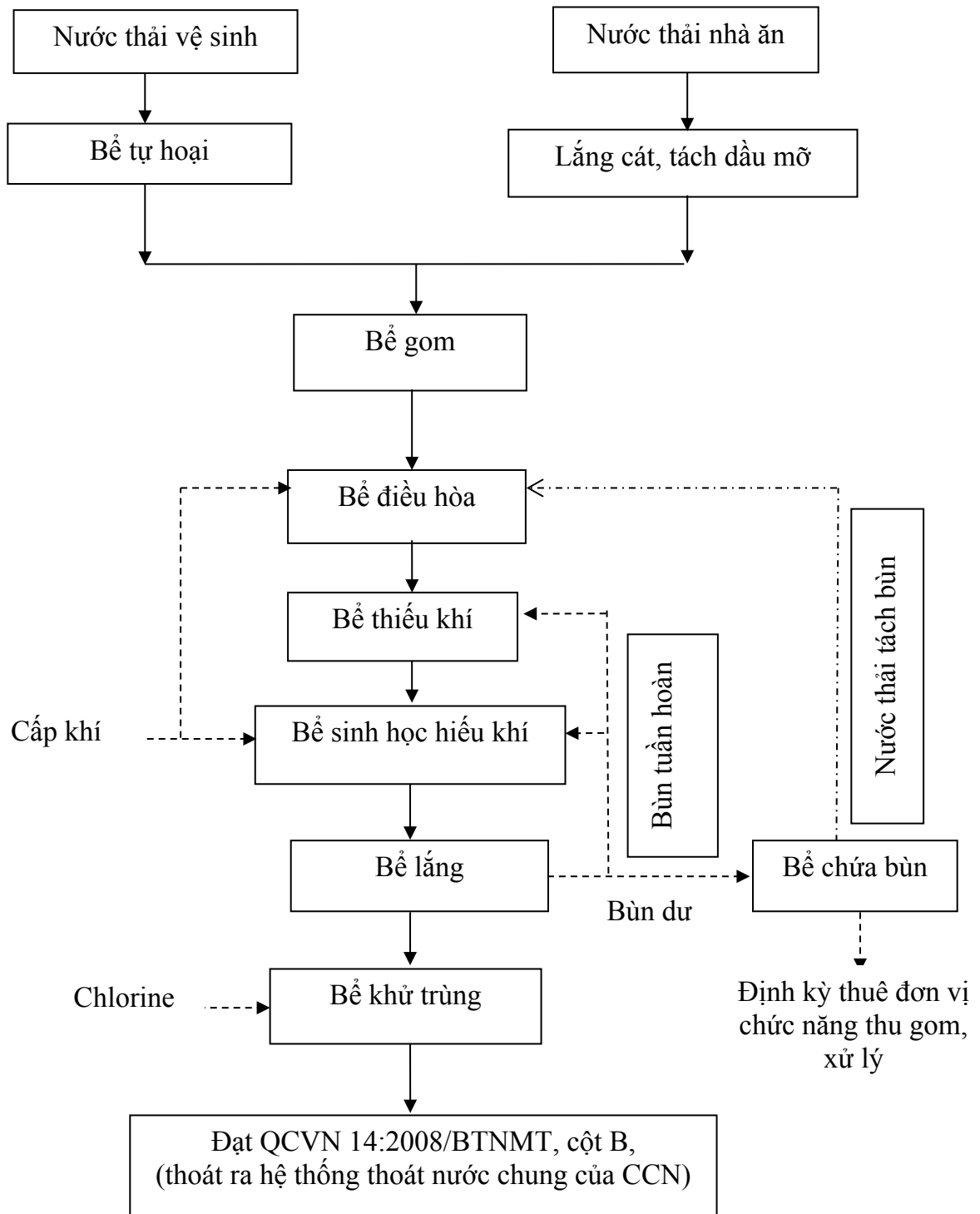
- Nước thải sinh hoạt:

+ Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom nước mưa của dự án.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh: được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn và nước thải nhà ăn được thu gom và xử lý bằng bể tách mỡ trước khi dẫn về hệ thống XLNT tập trung của dự án.

+ Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án với công suất 26 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B) thoát ra hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp.

Sơ đồ thu gom xử lý nước thải tại dự án như sau:



- Nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất được thu gom, xử lý qua hệ thống nước thải với công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm theo quy trình sau: Nguồn phát sinh (từ công đoạn đánh bóng) → Hồ chứa nước thải → Silo kéo tụ tạo bông kết hợp lắng → Hồ chứa nước sạch → Tái sử dụng tuần hoàn liên tục, khép kín trong dây chuyền sản xuất. Dự án không phát sinh nước thải sản xuất ra ngoài môi trường.

### 3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí thùng chứa rác tại các vị trí khu vực phát sinh chất thải.

+ Hằng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom và phân loại chất thải sinh hoạt, chất thải không tận dụng được sẽ tập trung về kho chứa chất thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

+ Tuyên truyền, huấn luyện cho toàn thể CBCNV nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung trong khu vực nhà máy và xung quanh.

- Đối với chất thải rắn sản xuất:

+ Bố trí kho chứa chất thải rắn sản xuất tại các vị trí khu vực phát sinh chất thải.

+ Bố trí nhân viên vệ sinh hằng ngày thu gom, phân loại và tập kết về nơi lưu trữ quy định trong khu vực nhà máy.

+ Sau công đoạn cắt, sản phẩm thừa sẽ được thu gom bán lại cho các đơn vị xây dựng tận dụng để san lấp mặt bằng.

### 3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động được thu gom lưu chứa trong thùng chứa CTNH có thể tích 240 lít riêng biệt.

- Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 7,5m<sup>2</sup> và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý đúng quy định.

- Thực hiện đúng trách nhiệm của chủ nguồn thải theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, với các yêu cầu kỹ thuật, quy định quản lý quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

### 3.2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Đầu tư máy móc thiết bị mới, hiện đại.

- Vận hành đúng công suất, đúng kỹ thuật.

- Đúc móng bê tông và lắp đệm chống rung, chống ồn cho các máy móc thiết bị, đặc biệt là công đoạn nén ép, các thiết bị có độ rung lớn như máy phát điện.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị.

- Trang bị bảo hộ lao động chống tiếng ồn cho những công nhân làm việc thường xuyên tại các vị trí có tiếng ồn phát sinh.

- Bố trí nhân viên hướng dẫn các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy một cách hợp lý.

- Cấm bấm còi, nổ máy xe khi chờ trong sân nhà máy...

- Trồng vành đai cây xanh xung quanh khuôn viên Dự án để hạn chế sự lan truyền tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

### 3.2.6. Các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường:

- Sự cố cháy nổ: Lắp đặt các thiết bị và hệ thống điện cần theo đúng quy định và đúng kỹ thuật; trang bị điện có chất lượng tốt, đúng tiêu chuẩn, công suất; kiểm tra các trang thiết bị điện đã được tắt trước khi rời khỏi khu vực dự án để tránh tình trạng chập điện cháy nổ, thực hiện việc bồi dưỡng, sửa chữa, kiểm tra định kỳ các thiết bị, máy móc và môi trường làm việc.

- Sự cố tai nạn lao động: Xây dựng các nội quy về an toàn lao động và trình tự vận hành, hoạt động của hệ thống, dây chuyền sản xuất, yêu cầu công nhân phải tuân thủ các nội quy của dự án; đảm bảo môi trường làm việc thông thoáng, các yếu tố vi khí hậu, điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn cho phép của Bộ Y tế nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động; trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tham gia sản xuất như mũ bảo hộ, khẩu trang, kính...; định kỳ kiểm tra sức khỏe cho toàn thể CBCNV làm việc tại dự án

- Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải, khí thải: Thường xuyên kiểm tra định kỳ đường ống xử lý nước thải, khí thải để kịp thời phát hiện, khắc phục kịp thời sự cố xảy ra; không vận hành hệ thống XLNT, khí thải quá công suất.

## 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án được thể hiện ở bảng sau:

STT	Tên công trình	Số lượng	Công suất
1	Hệ thống thoát nước mưa	01 hệ thống	
2	Hệ thống thoát nước thải	01 hệ thống	
3	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	01 trạm xử lý	26 m <sup>3</sup> /ngày. đêm
4	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	01 trạm xử lý	10 m <sup>3</sup> /ngày. đêm
5	Hệ thống xử lý bụi	01 hệ thống	
6	Hệ thống cây xanh	14.002 m <sup>2</sup>	
7	Kho chứa CTNH	01 kho	7,5 m <sup>2</sup>

## 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

### 5.1. Giai đoạn xây dựng

#### a) Giám sát chất thải rắn

- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại tại khu vực thực hiện dự án.

- Vị trí giám sát: Trong khu vực xây dựng dự án

- Tần suất giám sát: Thường xuyên

*b) Giám sát chất lượng không khí và tiếng ồn nơi làm việc*

- Vị trí giám sát: 01 điểm trong khu vực xây dựng dự án

- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, tiếng ồn, độ rung, vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm)

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 24/2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26/2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27/2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

*c) Giám sát khác*

- Nội dung giám sát: Sự tồn đọng, khả năng thoát của các tuyến thoát nước sinh hoạt, nước mưa, nước thải thi công. Xác định yếu tố gây cản trở đến khả năng thoát nước và gia tăng nồng độ chất bẩn trong các loại nước thải. Điều kiện vệ sinh, mức độ tiện nghi của các khu nhà vệ sinh công cộng trên công trường. Xác định yếu tố làm giảm điều kiện vệ sinh tại các khu vực.

- Vị trí giám sát: Trong phạm vi xây dựng dự án.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

## **5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm**

Chủ dự án thực hiện đúng theo Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và lập thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo Mẫu số 09, Phụ lục VI, Mục I, phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

## **5.3. Giai đoạn vận hành thương mại**

*a) Giám sát chất thải rắn*

- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại trong quá trình vận hành của dự án.

- Vị trí giám sát: Trong phạm vi dự án.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

*b) Giám sát chất lượng không khí và tiếng ồn nơi làm việc*

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm trong khu vực sản xuất tại vị trí trộn, sấy.

+ 01 điểm trong khu vực sản xuất tại vị trí cắt, đánh bóng.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, bụi, tiếng ồn, độ rung, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 24/2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27/2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

*c) Giám sát bụi từ hệ thống xử lý bụi*

- Vị trí giám sát: 01 điểm sau hệ thống xử lý bụi của nhà máy.

- Thông số giám sát: Bụi chứa Silic, bụi tổng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc; QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp và các chất vô cơ.

*d) Giám sát nước thải sinh hoạt*

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại vị trí đầu nối vào hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

*e) Giám sát nước ngầm*

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại vị trí giếng nước của Dự án.

- Thông số giám sát: pH, chỉ số pemanganat, TDS, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, NO<sub>2</sub><sup>-</sup>, Clo, Flo, SO<sub>4</sub><sup>2-</sup>, CN<sup>-</sup>, Asen, Mn, Fe, Hg, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

(Trường hợp Dự án sử dụng nước thủy cục để phục vụ hoạt động của Nhà máy thì không thực hiện việc giám sát nước ngầm).

## **6. Trách nhiệm của Chủ dự án:**

6.1. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

6.2. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

6.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đại Lộc để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.5. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

6.6. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đại Lộc trước khi bắt đầu tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 20 (hai mươi) ngày làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Sau khi kết thúc thời gian vận hành thử nghiệm phải thông báo kết quả hoàn thành về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Đại Lộc để được theo dõi, giám sát.

6.7. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Đại Lộc để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vận hành chính thức.

6.8. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định

cụ thể tại Điểm 4 Khoản 7 Điều 1 tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

## **7. Các điều kiện liên quan kèm theo:**

7.1. Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

7.2. Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh, các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước.

7.3. Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 24/2/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.4. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, tiếng ồn trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

7.5. Xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B); thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, bảo đảm đạt các Quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường.

7.6. Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

7.7. Có các biện pháp kỹ thuật an toàn và môi trường phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của Dự án tới các hoạt động giao thông đường bộ; có các biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án; thực hiện nghiêm túc chiều cao xây dựng, các yêu cầu về an ninh, quốc phòng; không làm ảnh hưởng đến các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, tới các di tích văn hóa, các hoạt động du lịch trong khu vực.

7.8. Tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án song song với quá trình thi công xây dựng; đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

7.9. Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đại Lộc thực hiện các biện pháp đảm bảo cuộc sống cho người dân bị mất đất, mất sinh kế để thực hiện Dự án và đảm bảo an ninh, trật tự xã hội; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực lân cận do tác động của việc thực hiện Dự án.

7.10. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho Dự án; tuân thủ các quy định của pháp luật về chất



lượng cấp nước sinh hoạt, an toàn hóa chất, tài nguyên nước và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án.

7.11. Phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ phế thải xây dựng; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để đảm bảo việc san lấp mặt bằng, tập kết vật liệu xây dựng, đổ thải phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

7.12. Tuân thủ các quy định hiện hành về: khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

7.13. Đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7.14. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.